

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC LỚP 8

MÔN TOÁN

A. PHẦN ĐẠI SỐ

I. MỞ ĐẦU VỀ PHƯƠNG TRÌNH

Phương trình một ẩn: $A(x) = B(x)$ (x là ẩn).

$A(x)$: Vế trái; $B(x)$: Vế phải.

Dạng 1: Chứng minh một số là nghiệm của một phương trình.

x_0 là nghiệm của phương trình $A(x) = B(x) \Leftrightarrow A(x_0) = B(x_0)$

x_0 không là nghiệm của phương trình $A(x) = B(x) \Leftrightarrow A(x_0) \neq B(x_0)$

Bài 1: Hãy xét xem $x = -3$ có phải là nghiệm của mỗi phương trình sau hay không ?

a) $2x - 5 = -14 - x$

c) $\frac{2}{3}x - 7 = -3x$

b) $\frac{6}{x} - 5 = 2x + 1$

d) $x^2 - 4 = 2x + 11$

Bài 2: Tìm giá trị của m sao cho phương trình sau đây nhận $x = -2$ làm nghiệm:

$$2x + m = x - 1$$

II. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN

1. Phương trình bậc nhất một ẩn: $ax + b = 0$ (x là ẩn; a, b là những hằng số, $a \neq 0$)

2. Hai quy tắc biến đổi tương đương :

- Quy tắc chuyển vế : Trong một phương trình, ta có thể chuyển một hạng tử từ vế này sang vế kia và đổi dấu hạng tử đó.

- Quy tắc nhân với một số : Ta có thể nhân (hoặc chia) cả hai vế của một phương trình với (cho) cùng một số khác 0.

3. Cách giải: $ax + b = 0 \Leftrightarrow ax = -b$ (quy tắc chuyển vế)

$$\Leftrightarrow x = -\frac{b}{a} \text{ (chia hai vế cho } a \neq 0 \text{)}$$

Vậy phương trình bậc nhất một ẩn $ax + b = 0$ luôn có một nghiệm duy nhất là $x = -\frac{b}{a}$

Bài 1: Giải các phương trình sau:

a) $7x + 21 = 0$

c) $12 - 6x = 0$

b) $5x - 2 = 0$

d) $-2x + 14 = 0$

III. PHƯƠNG TRÌNH ĐƯA ĐƯỢC VỀ DẠNG $ax + b = 0$

Phương trình mà hai vế là hai biểu thức hữu tỉ, không chứa ẩn ở mẫu

Phương pháp giải:

- Quy đồng mẫu số 2 vế của phương trình, khử mẫu.

- Bỏ dấu ngoặc, chuyển các hạng tử chứa ẩn sang một vế, các hằng số sang vế kia

- Thu gọn về dạng $ax + b = 0$ hay $ax = -b$

- Kết luận tập nghiệm.

Chú ý: Quá trình giải phương trình có thể dẫn đến trường hợp đặc biệt là hệ số của ẩn bằng 0. Khi đó phương trình có thể vô nghiệm hoặc nghiệm đúng với mọi x

Bài 2: Giải các phương trình sau:

a) $0,25x + 1,5 = 0$

c) $\frac{4}{3}x - \frac{5}{6} = \frac{1}{2}$

b) $6,36 - 5,3x = 0$

d) $-\frac{5}{9}x + 1 = \frac{2}{3}x - 10$

Bài 3: Giải các phương trình sau:

a) $3x + 1 = 7x - 11$

c) $11 - 2x = x - 1$

b) $5 - 3x = 6x + 7$

d) $15 - 8x = 9 - 5x$

Bài 4: Giải các phương trình sau:

a) $\frac{x-3}{5} = 6 - \frac{1-2x}{3}$

d) $\frac{3x-2}{6} - 5 = \frac{3-2(x+7)}{4}$

b) $\frac{3x-2}{5} = \frac{4-7x}{3}$

e) $2(x + \frac{3}{5}) = 5 - (\frac{13}{5} + x)$

c) $\frac{3x+2}{2} - \frac{3x+1}{6} = 2x + \frac{5}{3}$

f) $x - \frac{2x-5}{5} + \frac{x+8}{6} = 7 + \frac{x-1}{3}$

IV. PHƯƠNG TRÌNH TÍCH

Phương trình tích có dạng: $A(x).B(x) = 0$

Phương pháp giải:

$$A(x).B(x) \Leftrightarrow A(x) = 0 \text{ hoặc } B(x) = 0$$

Ta giải hai phương trình $A(x) = 0$ và $B(x) = 0$, rồi lấy tất cả các nghiệm của chúng.

Có thể trình bày: $A(x).B(x) \Leftrightarrow \begin{cases} A(x) = 0 \\ B(x) = 0 \end{cases}$

Lưu ý: Một số phương trình có thể đưa được về dạng phương trình tích bằng cách chuyển các hạng tử sang về trái (lúc này, về phải là 0), rút gọn rồi phân tích đa thức thu được ở về trái thành nhân tử.

Bài 1: Giải các phương trình sau:

a) $(5x - 4)(4x + 6) = 0$

b) $(3,5x - 7)(2,1x - 6,3) = 0$

c) $(4x - 10)(24 + 5x) = 0$

d) $(x - 3)(2x + 1) = 0$

Bài 2: Giải các phương trình sau:

a) $x(x - 2) - 3x + 6 = 0$

b) $2x(x - 3) + 5(x - 3) = 0$

c) $(x + 1)(x + 4) = (2 - x)(2 + x)$

d) $(x - 1)(x^2 + 3x - 2) - (x^3 - 1) = 0$

e) $2x^3 = x^2 + 2x + 1$

f) $(x^3 + x^2) + (x^2 + x) = 0$

g) $(4x + 2)(x^2 + 1)$

h) $(x^2 - 4) + (x - 2)(3 - 2x) = 0$

B. PHẦN HÌNH HỌC

I. DIỆN TÍCH ĐA GIÁC

- Ôn tập các hình đã học (Tam giác, hình thang, hình bình hành, hình thoi, hình chữ nhật, hình vuông):

+ Định nghĩa.

+ Tính chất.

+ Dấu hiệu nhận biết.

+ Công thức tính diện tích.

- Cách tính diện tích của một đa giác bất kì.

II. Định lí Talet trong tam giác

1. Tỷ số của hai đoạn thẳng

- Tỷ số của hai đoạn thẳng là tỷ số độ dài của chúng theo cùng một đơn vị đo.

- Tỷ số của hai đoạn thẳng không phụ thuộc vào cách chọn đơn vị đo.

2. Đoạn thẳng tỉ lệ: Hai đoạn thẳng AB và CD đgl tỉ lệ với hai đoạn thẳng $A'B'$ và $C'D'$ nếu có tỉ lệ thức:

$$\frac{AB}{CD} = \frac{A'B'}{C'D'} \text{ hay } \frac{AB}{A'B'} = \frac{CD}{C'D'}$$

3. Định lí Ta-lét trong tam giác: Nếu một đường thẳng song song với một cạnh của tam giác và cắt hai cạnh còn lại thì nó định ra trên hai cạnh đó những đoạn thẳng tương ứng tỉ lệ.

$\Delta ABC, a // BC (B' \in AB, C' \in AC)$

$$B'C' // BC \Rightarrow \frac{AB'}{AB} = \frac{AC'}{AC}; \frac{AB'}{B'B} = \frac{AC'}{C'C}; \frac{AB}{B'B} = \frac{AC}{C'C}$$

III. Định lí Ta-lét đảo và hệ quả.

1. Định lí Ta-lét đảo: Nếu một đường thẳng cắt hai cạnh của một tam giác và định ra trên hai cạnh đó những đoạn thẳng tương ứng tỉ lệ thì đường thẳng đó song song với cạnh còn lại của tam giác.

$\Delta ABC, B' \in AB, C' \in AC$

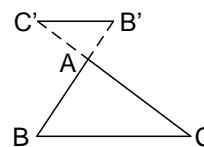
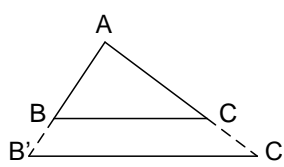
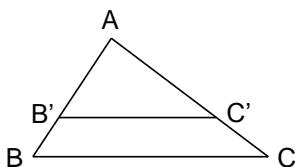
$$\frac{AB'}{B'B} = \frac{AC'}{C'C} \Rightarrow B'C' // BC$$

2. Hệ quả: Nếu một đường thẳng cắt hai cạnh của một tam giác và song song với cạnh còn lại thì nó tạo thành một tam giác mới có ba cạnh tương ứng tỉ lệ với ba cạnh của tam giác đã cho.

$\Delta ABC, a // BC (B' \in AB, C' \in AC)$

$$B'C' // BC \Rightarrow \frac{AB'}{AB} = \frac{AC'}{AC} = \frac{B'C'}{BC}$$

Chú ý: Hệ quả trên vẫn đúng cho trường hợp đường thẳng song song với một cạnh và cắt phần kéo dài của hai cạnh còn lại.



Bài tập

Bài tập: 2, 3, 5 sách giáo khoa trang 59;

Bài tập: 6, 7, 10, 11 sách giáo khoa trang 62, 63

Bài tập: 15, 17, 18, 19 sách giáo khoa trang 67, 68.

BT nâng cao: Cho tam giác ABC, điểm D thuộc cạnh BC sao cho $\frac{BD}{DC} = \frac{2}{3}$, điểm E thuộc đoạn thẳng AD sao cho $AE = 2DE$. Gọi I là giao điểm của BE và AC. Tính tỉ số $\frac{AI}{IC}$

MÔN VẬT LÝ

A. LÝ THUYẾT – CÔNG THỨC

1. Công thức tính công

* Công thức tính công cơ học khi lực F làm vật dịch chuyển một quãng đường s theo phương của lực là $\boxed{A = F \cdot s}$

Trong đó : A là công của lực F, đơn vị của A là J, 1J=1Nm, 1kJ=1000J.

F là lực tác dụng vào vật, đơn vị là N.

s là quãng đường vật dịch chuyển, đơn vị là m (mét).

* Trường hợp đặc biệt, lực tác dụng vào vật chính là trọng lực và vật di chuyển theo phương thẳng đứng thì công được tính $\boxed{A = P \cdot h}$

Trong đó : A là công của lực F, đơn vị của A là J

P là trọng lượng của vật, đơn vị là N.

h là quãng đường vật dịch chuyển, đơn vị là m (mét).

2. Công suất

- Công suất được xác định bằng công thực hiện trong một đơn vị thời gian.

- Công thức tính công suất :
$$\mathcal{P} = \frac{A}{t}$$

Trong đó : \mathcal{P} là công suất, đơn vị W

(1W = 1J/s, 1kW = 1000W, 1MW = 1 000 000W).

A là công thực hiện, đơn vị J.

t là thời gian thực hiện công đó, đơn vị s (giây).

3. Cơ năng

- Khi vật có khả năng sinh công, ta nói vật có cơ năng.
- Cơ năng của vật phụ thuộc vào độ cao của vật so với mặt đất, hoặc so với một vị trí khác được chọn làm mốc để tính độ cao gọi là thế năng hấp dẫn. Vật có khối lượng càng lớn và càng cao thì thế năng hấp dẫn của vật càng lớn.
- Cơ năng của vật phụ thuộc vào độ biến dạng của vật gọi là thế năng đàn hồi.
- Cơ năng của vật do chuyển động mà có gọi là động năng. Vật có khối lượng càng lớn và chuyển động càng nhanh thì động năng càng lớn.
- Động năng và thế năng là hai dạng của cơ năng.
- Cơ năng của một vật bằng tổng thế năng và động năng của nó.

4. Sự chuyển hóa và bảo toàn cơ năng

- Động năng có thể chuyển hóa thành thế năng, ngược lại thế năng có thể chuyển hóa thành động năng.
- Trong quá trình cơ học, động năng và thế năng có thể chuyển hóa lẫn nhau, nhưng cơ năng thì không đổi. Ta nói cơ năng được bảo toàn.

B. VẤN DUNG

1: Động cơ của một ô tô thực hiện lực kéo không đổi $F = 4\,000\text{N}$. Biết ô tô chuyển động đều với vận tốc 36km/h. Trong 5 phút, công của lực kéo của động cơ là bao nhiêu.

2: Một thang máy có khối lượng $m = 500\text{ kg}$ chất trong đó một thùng hàng nặng 300 kg. Người ta kéo thang máy từ đáy hầm mỏ sâu 65m lên mặt đất bằng lực căng của một dây cáp. Công nhỏ nhất của lực căng để thực hiện việc đó là bao nhiêu?

3: Một dòng nước chảy từ đập ngăn cao 30m xuống dưới, biết rằng lưu lượng dòng nước là $100\text{m}^3/\text{phút}$ và khối lượng riêng của nước là 1000 kg/m^3 . Hãy tính công suất của dòng nước?

4: Một máy bay trực thăng khi cách cánh, động cơ tạo ra một lực phát động 11 600 N, sau 1 phút 20 giây máy bay đạt được độ cao 720m. Hãy tính công suất động cơ của máy bay?

5. Dùng một cần cẩu để nâng một thùng hàng khối lượng 2500kg lên độ cao 12m hết 1 phút. Tính công và công suất của cần cẩu ?

6. Một con ngựa kéo một cái xe với lực không đổi 1200N đi được 6000m trong 2400s. Tính công và công suất của con ngựa?

7. Một lực sĩ cử tạ nâng quả tạ có khối lượng 125 kg lên cao 70 cm trong thời gian 0,3 giây. Tính công và công suất của người lực sĩ trong trường hợp này?

MÔN HÓA HỌC

Bài luyện tập – Oxi không khí (Ôn tập chương 4)

A. Lý thuyết cần nhớ

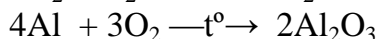
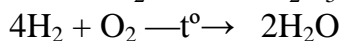
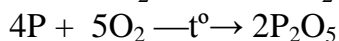
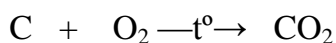
1. Khí Oxi là một đơn chất phi kim có tính oxi hóa mạnh, rất hoạt động, đặc biệt ở nhiệt độ cao, dễ tham gia phản ứng hóa học với nhiều phi kim, nhiều kim loại và hợp chất.
2. Oxi là chất khí cần cho sự hô hấp của người và động vật, dùng để đốt nhiên liệu trong quá trình sản xuất.

3. Nguyên liệu thường được dùng để điều chế oxi trong phòng thí nghiệm là những hợp chất giàu oxi và dễ bị phân hủy ở nhiệt độ cao.
4. Sự tác dụng của oxi với chất khác là sự oxi hóa.
5. Oxit là hợp chất của hai nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi.
Oxit gồm hai loại chính : oxit axit và oxit bazơ.
6. Không khí là hỗn hợp nhiều chất khí. Thành phần theo thể tích của không khí là : 78% khí nitơ, 21% khí oxi, 1% các khí khác (CO₂, hơi nước, khí hiếm,...).
7. Phản ứng hóa hợp là phản ứng hóa học trong đó chỉ có một chất mới được tạo thành từ hai hay nhiều chất ban đầu.
8. Phản ứng phân hủy là phản ứng hóa học trong đó một chất sinh ra hai hay nhiều chất mới.

B. Gợi ý giải bài tập Hóa 8 bài 29 trang 100, 101: Bài luyện tập 5 – Oxi không khí (Ôn tập chương 4)

Bài 1. Viết phương trình hóa học biểu diễn sự cháy của các đơn chất trong oxi : cacbon, photpho, hiđro, nhôm biết rằng sản phẩm lần lượt là những hợp chất lần lượt có công thức hóa học : CO₂, P₂O₅, H₂O, Al₂O₃. Hãy gọi tên các chất tạo thành.

Giải bài 1:



Gọi tên :

+ CO₂ : khí cacbonic ;

+ P₂O₅ : điphotpho pentaoxit ;

+ H₂O : nước ;

+ Al₂O₃ : nhôm oxit.

Bài 2. Những biện pháp phải thực hiện để dập tắt sự cháy là gì ? Tại sao nếu thực hiện được các biện pháp ấy thì sẽ dập tắt được sự cháy ?

Hướng dẫn bài 2:

Biện pháp dập tắt sự cháy :

+ Hạ nhiệt độ của chất cháy xuống dưới nhiệt độ cháy ;

+ Cách li chất cháy với oxi

Khi thực hiện được các biện pháp trên sẽ dập tắt được sự cháy vì khi đó điều kiện để sự cháy diễn ra đã không còn và dĩ nhiên sự cháy không thể tiếp tục được nữa.

Bài 3. Các oxit sau đây thuộc loại oxit axit hay oxit bazơ ? Vì sao ?

Na₂O, MgO, CO₂, Fe₂O₃, SO₂, P₂O₅

Gọi tên các oxit đó.

Đáp án bài 3:

+ Oxit axit : CO₂ (cacbon đioxit), SO₂ (lưu huỳnh đioxit), P₂O₅ (điphotpho pentaoxit). Vì các oxit của phi kim và có những axit tương ứng.

+ Oxit bazơ : Na₂O (natri oxit), MgO (magie oxit), Fe₂O₃ (sắt III oxit). Vì các oxit là các oxit của kim loại và có những bazơ tương ứng.

Bài 4. Khoanh tròn ở đầu những câu phát biểu đúng :

Oxit là hợp chất của oxi với :

- a. Một nguyên tố kim loại ;
- b. Một nguyên tố phi kim khác ;
- c. Các nguyên tố hóa học khác ;
- d. Một nguyên tố hóa học khác ;
- e. Các nguyên tố kim loại.

Hướng dẫn:

Câu d. đúng.

MÔN SINH HỌC

A. ÔN TẬP

Câu 1. Chứng minh tế bào là đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng của cơ thể

Câu 2. Trình bày mối liên hệ về chức năng của các hệ cơ quan đã học: hệ cơ – xương, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa

Câu 3. Các hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa đã tham gia vào hoạt động trao đổi chất và chuyển hóa như thế nào ?

Câu 4. So sánh quá trình trao đổi chất ở cấp độ tế bào và cấp độ cơ thể

Câu 5. Đồng hóa, dị hóa là gì ? Nêu mối liên hệ giữa hai quá trình đồng hóa và dị hóa

B. NỘI DUNG HỌC SINH TỰ NGHIÊN CỨU HỌC Ở NHÀ TỪ TIẾT 42 ĐẾN TIẾT 45 MÔN SINH HỌC 8

TIẾT 42 - BÀI 38: BÀI TIẾT VÀ CẤU TẠO HỆ BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU

* KIẾN THỨC BÀI HỌC

I. Bài tiết

- Bài tiết là một hoạt động của lọc thải các chất dư thừa và các chất độc hại khác để duy trì tính ổn định của môi trường trong cơ thể

- Nhờ hoạt động bài tiết mà tính chất môi trường bên trong luôn ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trao đổi chất diễn ra bình thường.

II . Cấu tạo cơ quan bài tiết nước tiểu

- Hệ bài tiết nước tiểu gồm: Thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái và ống đái

- Thận gồm 2 triệu đơn vị chức năng để lọc máu và hình thành nước tiểu.

- Mỗi đơn vị chức năng gồm: Cầu thận, nang cầu thận, ống thận.

* CÂU HỎI ÔN TẬP

- Bài tiết có vai trò quan trọng như thế nào đối với đời sống ?

- Bài tiết ở cơ thể người do các cơ quan nào thực hiện ?

- Hệ bài tiết nước tiểu có cấu tạo như thế nào ?

Tiết 43 - BÀI 39: BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU

* KIẾN THỨC BÀI HỌC

I. Tạo thành nước tiểu

- Sự tạo thành nước tiểu gồm 3 quá trình:

+ Quá trình lọc máu ở cầu thận : tạo ra nước tiểu đầu .

+ Quá trình hấp thụ lại ở ống thận : các chất dinh dưỡng, nước và các ion cần thiết khác.

+ Quá trình bài tiết tiếp:

- Hấp thụ lại chất cần thiết
- Bài tiết chất thừa, chất thải → tạo thành nước tiểu chính thức .

II. Bài tiết nước tiểu

- Nước tiểu chính thức → bể thận → Ống dẫn nước tiểu → tích trữ ở bóng đái → ống đái → ra ngoài.

* CÂU HỎI ÔN TẬP

- Nước tiểu được tạo thành như thế nào ở các đơn vị chức năng của thận ? ?
- Trình bày sự bài tiết nước tiểu ?

TIẾT 44 - BÀI 40: VỆ SINH HỆ BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU

* KIẾN THỨC BÀI HỌC

I. Một số tác nhân chủ yếu gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu

- Các tác nhân gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu: + Các vi khuẩn gây bệnh
- + Các chất độc trong không khí, thức ăn + Sỏi hoặc viêm gây ách tắc

II. Xây dựng các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết

- Thường xuyên giữ vệ sinh cho toàn cơ thể cũng như hệ bài tiết.
- Có khẩu phần ăn uống hợp lý
- Không nên nhịn tiểu lâu.

* CÂU HỎI ÔN TẬP

- Em hãy nêu các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu ? Em đã có thói quen nào chưa ?

TIẾT 45 - BÀI 41: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA DA

* KIẾN THỨC BÀI HỌC

I. Cấu tạo da

- Da cấu tạo gồm 3 lớp :
- + Lớp biểu bì: Tầng sừng, tầng tế bào sống.
- + Lớp bì: Sợi mô liên kết, các thụ quan, tuyến mồ hôi, tuyến nhờn, lông và bao lông...
- + Lớp mỡ dưới da : chứa mỡ dự trữ, có vai trò cách nhiệt

II. Chức năng của da - Bảo vệ cơ thể

- Tiếp nhận kích thích xúc giác .
- Bài tiết
- Điều hoà thân nhiệt
- Da và sản phẩm của da tạo nên vẻ đẹp cho con người .

* CÂU HỎI ÔN TẬP

- Da có cấu tạo như thế nào ? Có nên trang điểm bằng cách lạm dụng kem phấn, nhổ bỏ lông mày, dùng bút chì kẻ lông mày tạo dáng không ? Vì sao ?

MÔN NGỮ VĂN

PHẦN TIẾNG VIỆT

I. ÔN TẬP KIẾN THỨC CŨ

1. Thế nào là câu nghi vấn? Cho ví dụ?
2. Câu nghi vấn có những đặc điểm hình thức nào và chức năng chính của nó là gì?
Làm bài tập phần *Luyện tập SGK NGỮ VĂN Tập 2 từ bài 1/Trang11 đến bài 5/Trang13.*

II. HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI MỚI

HS soạn theo hệ thống câu hỏi ở dưới, theo từng tiết (HS nghiên cứu và soạn theo nội dung ở SGK NGỮ VĂN 8 TẬP 2)

Tiết 79 : CÂU NGHI VẤN (SGK/TRANG 20)

***NỘI DUNG CẦN NẮM :** Cần nắm được những chức năng khác của câu nghi vấn và xác định được đâu là câu nghi vấn.

Trong nhiều trường hợp, câu nghi vấn không dùng để hỏi mà dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... và không yêu cầu người đối thoại trả lời.

Nếu không dùng để hỏi thì một số trường hợp câu nghi vấn có thể kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

I. Xét ví dụ SGK

VD: Xét ví dụ a,b,c,d, e SGK/Trang 21 lần lượt trả lời câu hỏi sau đây:

- 1.Trong những đoạn trích trên, câu nào là câu nghi vấn?
2. Câu nghi vấn vừa tìm được trong các đoạn trích trên được dùng với mục đích gì?
- 3.Nhận xét về cách kết thúc câu nghi vấn trên?

II. Luyện tập:

Các em làm bài tập phần luyện tập từ bài tập 1/trang 22 đến bài tập 2/trang 22 SGK.

Ngoài ra làm thêm bài tập sau đây:

Đặt 2 câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để:

- Yêu cầu một người bạn kể lại nội dung một bộ phim vừa xem
- Bộc lộ tình cảm, cảm xúc trước số phận của nhân vật văn học nào đó?

PHẦN VĂN BẢN

TIẾT 81: TỨC CẢNH PÁC PÓ (Hồ Chí Minh)

Câu 1: Bài thơ thuộc thể thơ gì? Hãy kể tên một số bài thơ khác cùng thể thơ này mà em đã học?

Câu 2: nhận xét về giọng điệu chung của bài thơ. Tâm trạng của Bác Hồ ở Pác Pó được thể hiện như thế nào qua bài thơ (từ ngữ, hình ảnh nào)?

Vì sao Bác Hồ lại cảm thấy cuộc sống gian khổ ở đó thật là “sang”?

Câu 3: Qua bài thơ, có thể thấy Bác cảm thấy vui thích, thoải mái khi sống giữa thiên nhiên, Nguyễn Trãi cũng từng ca ngợi, niềm vui thú được sống với núi rừng, trong bài “ Côn Sơn ca”. Hãy cho biết thú vui này ở Nguyễn Trãi và Bác Hồ có gì giống và khác nhau?

HS đọc phần ghi nhớ sgk/ trang 38 để nắm rõ phần nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

HS học thuộc bài thơ.

Tiết 85 : NGẮM TRĂNG (Hồ Chí Minh)

Câu 1: Đọc kĩ phần phiên âm dịch nghĩa và phần giải chữ Hán để hiểu chính xác từng câu trong bài thơ, Học thuộc bản dịch thơ và nhận xét các câu thơ dịch?

Câu 2: Ở bài thơ này, Bác Hồ ngắm trăng trong hoàn cảnh như thế nào? Vì sao Bác lại nói đến cảnh “ trong tù không rượu cũng không hoa”?

Qua hai câu đầu, em thấy Bác có tâm trạng ra sao trước cảnh trăng đẹp ngoài trời,?

Câu 3: Trong ba câu thơ cuối của bài thơ chữ Hán, sự sắp xếp vị trí các từ “*nhân*”, *song*, *nguyệt* có gì đáng chú ý? Sự sắp xếp như vậy, và việc đặt hai câu dưới dạng đối nhau có hiệu quả nghệ thuật như thế nào?

Câu 4: Qua bài thơ, em thấy hình ảnh Bác Hồ hiện ra như thế nào?

HS đọc phần ghi nhớ sgk/ trang 38 để nắm rõ phần nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

PHẦN TẬP LÀM VĂN

TIẾT 84: THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP CÁCH LÀM

Câu 1: Đọc phần I SGK/Trang 24, hai văn bản a và b sau đó trả lời các câu hỏi:

Khi cần thuyết minh làm một đồ vật (hay nấu món ăn, may áo quần) người ta thường nêu những nội dung gì? Cách làm đó được trình bày theo thứ tự nào?

GHI CHÚ: Khi giới thiệu một phương pháp cách làm nào đó, người viết phải tìm hiểu, nắm chắc phương pháp đó.

Khi thuyết minh cần trình bày rõ điều kiện, cách thức, trình tự... làm ra sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm đó.

Lời văn cần ngắn gọn rõ ràng.

Câu 2: Hãy tự chọn một đồ chơi, trò chơi quen thuộc và lập dàn bài thuyết minh về cách làm đồ chơi đó. *Yêu cầu trình bày mạch lạc rõ ràng.*

TIẾT 84: ÔN TẬP VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT

Câu 1: Văn bản thuyết minh có vai trò và tác dụng như thế nào trong đời sống?

Câu 2: Văn bản thuyết minh có những tính chất gì khác so với văn bản tự sự, văn bản miêu tả, biểu cảm?

Câu 3: Muốn làm tốt bài văn thuyết minh cần phải chuẩn bị những gì?

Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì?

Câu 4: Những phương pháp thuyết minh nào thường được chú ý vận dụng?

II. LUYỆN TẬP

Vận dụng những kiến thức đã học về văn bản thuyết minh, em hãy lập dàn bài đối với những đề văn sau, sau đó chọn một đề bài tùy thích để viết thành một bài văn

Đề 1: giới thiệu một đồ dùng sinh hoạt trong gia đình hoặc học tập

Đề 2: giới thiệu về một danh lam thắng cảnh quê hương em

Đề 3: giới thiệu cách làm một đồ dùng học tập

Đề 4: thuyết minh về một loài hoa em yêu thích

YÊU CẦU: Xác định đúng trọng tâm đề ra, trình bày đúng kiểu văn bản, ngắn gọn, mạch lạc, đủ bố cục.

MÔN LỊCH SỬ

Bài 24: CUỘC KHÁNG CHIẾN TỪ NĂM 1858 - 1873 Tiết 3

II. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1873 1. Kháng chiến ở Đà Nẵng và ba tỉnh miền Đông Nam kỳ.

* Tại Đà Nẵng: Nghĩa binh của Phạm Gia Vĩnh phối hợp chặt chẽ với quân triều đình chống giặc.

* Tại Gia Định: Tiêu biểu là:

- Khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực: đốt cháy tàu Hy Vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông.

- Khởi nghĩa Trương Định: chống bọn thực dân Pháp cướp nước và phong kiến đầu hàng bán nước

=> Phong trào đấu tranh chống Pháp phát triển mạnh mẽ và rộng lớn như " Tổng khởi nghĩa "

2. Kháng chiến lan rộng ra ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

- Sau hiệp ước 1862 triều Nguyễn ra sức đàn áp nhân dân Bắc Kỳ, Trung Kỳ, ngăn cản phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ.

- 20->24.6.1867 Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Tây

Nhân dân Nam Kỳ nêu cao tinh thần quyết tâm chống Pháp:

* Nhiều trung tâm kháng chiến thành lập

* Hình thức đấu tranh phong phú:

- Bất hợp tác với giặc

- Dùng văn thơ để chiến đấu: Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị

- Đấu tranh và vũ trang quyết liệt: Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Trương Quyền, Phan Tôn, Phan Liêm

- Có nhiều chiến công xuất sắc: hạ đồn Kiên Giang. => Phong trào hình thành sớm, liên tục, rộng khắp.

-? Tinh thần chống Pháp của nhân dân ta thể hiện như thế nào? Tiết 40

Bài 25 : KHÁNG CHIẾN LAN RỘNG RA TOÀN QUỐC(1873-1884)

I. THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH BẮC KÌ LẦN THỨ NHẤT CUỘC KHÁNG CHIẾN Ở HÀ NỘI VÀ CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG BẮC KÌ.

1. Tình hình Việt Nam trước khi Pháp đánh chiếm Bắc kỳ.

* Pháp: Biến Miền Nam thành bàn đạp để mở rộng đánh chiếm:

- + Xây dựng bộ máy cai trị, đào tạo tay sai
- + Đẩy mạnh vơ vét bóc lột.
- + Tuyên truyền chuẩn bị dư luận cho việc mở rộng đánh chiếm.

* Triều Nguyễn: Thi hành các chính sách lỗi thời:

- + Vơ vét bóc lột nhân dân
- + Đàn áp các cuộc khởi nghĩa.
- + Thương thuyết với Pháp.

2. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc kỳ lần thứ nhất (1873).

- Cuối 1872, Pháp cho DuyPuy ra Hà Nội khiêu khích.
- Lấy cớ giải quyết vụ DuyPuy, Gacniê đưa quân ra Hà Nội.
- 20/11/1873, Pháp đánh chiếm thành Hà Nội, sau đó mở rộng ra các tỉnh đồng bằng Bắc kỳ. 3. Kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc kỳ (1873-1874).
- Nhân dân Bắc kỳ anh dũng đứng lên kháng chiến.
- Ta: Khép chặt vòng vây quanh Hà Nội.
- 21/12/1873, chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất. Gac-ni-ê bị giết.
- Quân Pháp hoang mang, quân ta phần khởi hăng hái đánh giặc.
- 15/3/1874, triều Nguyễn ký với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất.
- Việt Nam mất một phần quan trọng chủ quyền lãnh thổ, ngoại giao và thương mại.

Hãy nhận xét về thái độ của triều Nguyễn sau chiến thắng Cầu Giấy của quân và dân ta ?

MÔN ĐỊA LÍ

I. CHỦ ĐỀ: KHU VỰC ĐÔNG NAM Á (t4)

1. Hiệp hội các nước Đông Nam Á: Học sinh cần trả lời được các câu hỏi sau:

- Quan sát hình 17.1 và hãy kể tên 5 nước đầu tiên thành lập tổ chức ASEAN? Thời gian gia nhập ASEAN?

- Mục đích hoạt động của tổ chức ASEAN là gì?

- Những nước nào gia nhập ASEAN sau Việt Nam?

2. Hợp tác để phát triển kinh tế xã hội: Học sinh cần trả lời được các câu hỏi sau:

- Các nước Đông Nam Á có những thuận lợi gì khi cùng nhau phát triển ASEAN?

- ASEAN hiện nay có những thách thức gì?

- Hãy cho biết những lợi ích của Việt Nam trong quan hệ mậu dịch và hợp tác với ASEAN?

II. CHỦ ĐỀ: KHU VỰC ĐÔNG NAM Á (t5)

1. Tìm hiểu về vị trí địa lí của Lào và Campuchia: Học sinh cần trả lời được các câu hỏi sau:

Quan sát lược đồ H 18.1 và H 18.2 lập bảng theo mẫu sau:

Vị trí địa lí	Cam Pu Chia	Lào
Diện tích		
Khả năng liên hệ với nước ngoài		

2. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên của Lào và Campuchia: Học sinh cần trả lời được các câu hỏi sau:

Hoàn thành bảng sau:

Các yếu tố	Cam Pu Chia	Lào
Địa hình		
Khí hậu		
Sông ngòi		
Thuận lợi cho nông nghiệp		
Khó khăn		

III. KHÁM PHÁ NÉT TƯƠNG ĐỒNG VÀ SỰ KHÁC BIỆT CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á :

Học sinh cần thu thập thông tin theo mẫu sau:

- Khám phát nét tương đồng của các quốc gia Đông Nam Á.

Từ khóa		Nét tương đồng
Vị trí địa lí	Thuộc khu vực	
Điều kiện tự nhiên	Khí hậu	
	Cảnh quan	
	Khoáng sản	
Đặc điểm kinh tế	Tốc độ phát triển kinh tế	
	Cơ cấu kinh tế	
Dân cư – Xã hội	Chủng tộc	
	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên	
	Sự phân bố dân cư	
	Phong tục tập quán	
	Lịch sử đấu tranh	

- Khám phá sự khác biệt của các quốc gia Đông Nam Á.

Từ khóa		Nét khác biệt
Vị trí địa lí	Quốc gia nằm trong đất liền, ngoài biển	
Điều kiện tự nhiên	Khí hậu	
	Cảnh quan	
Đặc điểm kinh tế	Trình độ phát triển kinh tế	
Dân cư – Xã hội	Quy mô dân số	
	Trang phục truyền thống	
	Ngôn ngữ và chữ viết	
	Thể chế chính trị	
	Tôn giáo	

IV. Bài: VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI

1. Việt Nam trên bản đồ thế giới: Học sinh cần trả lời các câu hỏi sau:

- Em hãy xác định vị trí của nước ta trên bản đồ thế giới?

- Việt Nam nằm trong khu vực nào? Châu lục nào? Việt Nam nằm sát đại dương nào? Có những Quốc gia nào tiếp giáp với nước ta?

- Qua các kiến thức về chủ đề Khu vực Đông Nam Á, hãy chứng minh rằng Việt Nam là quốc gia thể hiện đầy đủ các đặc điểm thiên nhiên, văn hóa, lịch sử khu vực Đông Nam Á

- Việt Nam gia nhập ASEAN từ lúc nào, Việt Nam với ASEAN có vai trò và ý nghĩa gì?

2. Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển: Học sinh cần trả lời các câu hỏi sau:

- Em hãy nêu đặc điểm tình hình phát triển kinh tế của nước ta trước năm 1986.

- Đặc điểm tình hình phát triển kinh tế nước ta sau năm 1986 như thế nào?

- Hãy nêu nhận xét về sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế nước ta qua bảng 22.1

- Mục tiêu tổng quát của chiến lược mười năm(2001-2010) Của nước ta là gì?

V. Bài: VỊ TRÍ GIỚI HẠN HÌNH DÁNG VÀ LÃNH THỔ VIỆT NAM

1. Vị trí và giới hạn lãnh thổ: Học sinh cần trả lời các câu hỏi sau:

- Quan sát bảng 32.2 và 32.1 hãy xác định các điểm tọa độ ?

- Từ Bắc đến Nam và từ Đông sang Tây của nước ta kéo dài mấy vĩ độ và mấy kinh độ?

- Việt Nam nằm ở múi giờ thứ mấy theo giờ GMT?

- Phần biên Việt Nam có diện tích bao nhiêu?

- Nêu các đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí Việt Nam về mặt tự nhiên?

- Những đặc điểm tự nhiên có ảnh hưởng gì đến môi trường thiên nhiên ở nước ta?

2. Đặc điểm của lãnh thổ: Học sinh cần trả lời các câu hỏi sau:

- Nêu đặc điểm lãnh thổ Việt Nam?

- Chiều dài đường bờ biển và biên giới trên đất liền là bao nhiêu ?

- Hãy xác định các đảo ven bờ và các quần đảo thuộc chủ quyền nước ta ?

- Biên đông có ý nghĩa như thế nào đối với nước ta ?

VI. Bài: VÙNG BIỂN VIỆT NAM

1. Đặc điểm chung của biển Việt Nam: Học sinh cần trả lời các câu hỏi sau:

- Em có nhận xét gì về vị trí của biển Việt Nam?

- Biển Đông có đặc điểm gì? Biển Đông có các vịnh nào lớn?

- Cho biết diện tích của Biển Đông và Biển Đông nước ta?

- Trên Biển Đông có các loại gió nào thổi ? Mùa hạ ở biển mát còn mùa đông ở biển ấm hơn đất liền: Vì sao có hiện tượng đó?

- Quan sát H24.2: cho biết chế độ nước biển tăng mặt thay đổi như thế nào?
- Em có nhận xét gì về chế độ mưa trên biển Ở biển bốc hơi lớn vì sao mưa lại ít hơn đất liền.
- Quan sát H24.3: Rút ra nhận xét về hướng chảy của các dòng biển? Em có nhận xét gì về chế độ triều ở nước ta ?

2. Tài nguyên biển và môi trường biển Việt Nam: Học sinh cần trả lời các câu hỏi sau:

- Em có nhận xét gì về tài nguyên biển Việt Nam?
- Tuy nhiên một số vùng biển nước ta đã bị ô nhiễm vì sao? Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường biển?

*** LƯU Ý:**

Học sinh các khối hoàn thành bài tập theo khối của mình. Mỗi học sinh làm một bài thu hoạch. Nộp lại cho Thầy Lê Hữu Phong vào ngày 28/2/2020. Các bài tập sẽ được chấm và lấy điểm kiểm tra 15 phút. Mọi thắc mắc, học sinh có thể liên hệ với Thầy Phong tại Email: huuphongqt@yahoo.com.vn

MÔN TIẾNG ANH

Phần 1. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc với câu điều kiện loại 1

1. If I (study), I (pass) the exams.
2. If the sun (shine), we (walk) into town.
3. If he (have) a temperature, he (see) the doctor.
4. If my friends (come), I (be) very happy.
5. If she (earn) a lot of money, she (fly) to New York.
6. If we (travel) to Hanoi, we (visit) the museums.
7. If you (wear) sandals in the mountains, you (slip) on the rocks.
8. If Giang (forget) her homework, the teacher (give) her a low mark.
9. If they (go) to the disco, they (listen) to loud music.
10. If you (wait) a minute, I (ask) my parents.

Phần 2. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc với câu điều kiện loại 2

11. If I (come) home earlier, I (prepare) dinner.
12. If we (live) in HCMC, my boyfriend (visit) us.
13. If Tung and Thanh (be) older, they (play) in our football team.
14. If he (be) my friend, I (invite) him to my birthday party.
15. If Xuan (study) harder, she (be) better at school.

16. If they (have) enough money, they (buy) a new car.
17. If you (do) a paper round, you (earn) a little extra money.
18. If Minh (get) more pocket money, he (ask) Lam out for dinner.
19. If we (win) the lottery, we (fly) to London.
20. If I (meet) Brad Pitt, I (ask) for his autograph.

Phần 3. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc

31. If we meet at 9:30, we (have) plenty of time.
32. Lisa would find the milk if she (look) in the fridge.
33. The zookeeper would have punished her with a fine if she (feed) the animals.
34. If you spoke louder, your classmates (understand) you.
35. Dan (arrive) safe if he drove slowly.
36. You (have) no trouble at school if you had done your homework.
37. If you (swim) in this lake, you'll shiver from cold.
38. The door will unlock if you (press) the green button.
39. If Mel (ask) her teacher, he'd have answered her questions.
40. I (call) the office if I (be) you.
41. If they (listen) carefully, they might hear the woodpecker.
42. If I had lain down on the sofa, I (fall) asleep.
43. Ngoc could have worked as a model if she (be) taller.
44. The soil (not/dry out) if you water the plants regularly.
45. If you (give) the young boy this stick, he'd hurt himself.
46. We (not/take) the wrong tram if Dzung had asked the policewoman.
47. If the cat hides in the tree, the dog (not/find) it.
48. The students would have solved the problem if they (use) their textbooks.
49. If he washed his feet more often, his girlfriend (visit) him more often.
50. Manh (read) the newspaper if he went by train.

MÔN GDCD

I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT

Câu 1: Tệ nạn xã hội là gì?

Câu 2: Tác hại của tệ nạn xã hội tới con người và xã hội như thế nào?

Câu 3: Để phòng chống tệ nạn xã hội pháp luật nước ta quy định như thế nào?

Câu 4: Chúng ta phải sống như thế nào để tránh xa đày lùi tệ nạn xã hội?

HS làm phần bài tập sgk từ bài 1/trang 36 đến bài 6/trang 37, sách GDĐ 8.

II. HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI MỚI

TIẾT 22 : PHÒNG CHỐNG NHIỄM HIV/AIDS

I. LÝ THUYẾT

Câu 1: Đọc mục đặt vấn đề ở sgk/trang 38 sau đó trả lời các câu hỏi:

- Em có nhận xét gì về tâm trạng của bạn gái qua bức thư trên?
- Theo em, vì sao phải phòng chống nhiễm HIV/AIDS? Em hiểu câu, “**Đừng chết vì thiếu hiểu biết về AIDS**” như thế nào?
- Theo em, liệu con người có thể ngăn chặn được thảm họa AIDS không? Vì sao?

Câu 2: HIV là gì? HIV/AIDS là gì?

Nó ảnh hưởng như thế nào đối với con người và xã hội?

Câu 3: Để phòng, chống HIV/AIDS pháp luật nước ta quy định như thế nào?

Câu 4: Chúng ta cần làm gì để ngăn ngừa HIV/AIDS?

HS đọc phần tư liệu tham khảo SGK/Trang 39

II. BÀI TẬP

Sau khi học xong lý thuyết, hs vận dụng kiến thức làm phần bài tập

Làm bài tập từ bài tập 1/trang 40 đến bài tập 7/trang 41 SGK GDĐ 8.

Tiết 23 : PHÒNG, NGỪA TAI NẠN VŨ KHÍ, CHÁY, NỔ VÀ CÁC CHẤT ĐỘC HẠI

I. LÝ THUYẾT

Câu 1: HS đọc mục đặt vấn đề SGK/trang 41 sau đó trả lời các câu hỏi:

- Em nghĩ gì khi đọc các thông tin trên?
- Tai nạn do vũ khí, cháy, nổ, và các chất độc hại đã để lại những hậu quả như thế nào?
- Cần làm gì để hạn chế, loại trừ những tai nạn đó?
- Em biết những quy định, những điều luật của nước ta về phòng ngừa tai nạn vũ khí cháy nổ và các chất độc hại?

II. HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI MỚI

Câu 1: Tai nạn về thảm họa do vũ khí, chất cháy nổ, chất độc hại gây ra những hậu quả gì?

Câu 2: Để phòng, ngừa những tai nạn đó, Nhà nước đã ban hành những luật gì? Nội dung cụ thể?

Câu 3: Là học sinh, chúng ta cần phải làm gì để hạn chế, phòng ngừa những tai nạn này?

Câu 4: Qua bài học, em thấy mình cần phải làm gì để bảo vệ môi trường sống cũng như cần làm gì để hạn chế, phòng ngừa tai nạn bom mìn?

III. BÀI TẬP

HS vận dụng kiến thức đã học, làm phần bài tập SGK.

Từ bài tập 1/trang 43 đến bài tập 4/trang 44, SGK GDĐ 8

MÔN CÔNG NGHỆ

I. ÔN TẬP

Câu 1: Hãy đặt ra một tình huống cứu người bị tai nạn điện?

Câu 2: Thế nào là vật liệu dẫn điện, cho ví dụ? Thế nào là vật liệu cách điện, cho ví dụ?

II. HƯỚNG DẪN HỌC BÀI MỚI

Câu 3: Nêu các đặc điểm của đèn sợi đốt?

Câu 4: Nêu nguyên lý làm việc của đèn sợi đốt?

Câu 5: Nêu nguyên lý làm việc của đèn huỳnh quang?

MÔN TIN HỌC

1. Hãy viết câu lệnh và vẽ sơ đồ khối của lệnh lặp với số lần nhất định và biết trước.
2. Hãy viết câu lệnh và vẽ sơ đồ khối của lệnh lặp với số lần chưa biết trước.
3. Hãy liệt kê một số kiểu dữ liệu cơ bản mà em đã học.
4. Viết chương trình đếm và in ra số lượng các số nguyên chia hết cho 3 hoặc 7 nằm trong đoạn 1 đến 100. (sử dụng câu lệnh For...do)
5. Viết chương trình sử dụng lệnh While...do để tính tích các số từ 1 đến 100

----- **CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT** -----